

DIỄN ĐÀN "NGÔN NGỮ TRONG ĐỜI SỐNG XÃ HỘI VIỆT NAM"

NƯỚC MẶN - THANH CHIÊM NƠI KHỞI ĐẦU SÁNG CHẾ CHỮ QUỐC NGỮ

NGUYỄN THỊ VÂN ANH

(TS; Trường Đại học Quy Nhơn, Bình Định)

1. Mở đầu

Sự xuất hiện của chữ Quốc ngữ có thể coi là một cuộc đại cách mạng về chữ viết tiếng Việt. Tuy nhiên cho đến nay, vẫn còn hàng loạt các câu hỏi xung quanh nội dung này. Chẳng hạn: Chữ Quốc ngữ xuất hiện từ bao giờ? Khởi nguồn của chữ Quốc ngữ là từ nơi nào? Ai là người đầu tiên sáng chế ra chữ Quốc ngữ; v.v. Bài viết của chúng tôi chỉ xin được coi là một trao đổi nhỏ xung quanh nội dung lớn này.

2. Những nội dung cụ thể

2.1. Chữ viết La-tinh lan truyền sang Việt Nam và các quốc gia ở Phương Đông

Từ thế kỉ thứ II sau Công Nguyên, các sứ giả, thương nhân, nhà truyền giáo Phương Tây bắt đầu tìm đường sang Phương Đông đã đến Việt Nam và từ đây sang Trung Quốc và Nhật Bản. Trong thiên nhiên kỉ thứ nhất, số lượng người đến còn thưa thớt nhưng sang thiên niên kỉ thứ hai thì số lượng ngày càng nhiều. Để tương trình lên cấp trên khi về nước, họ buộc phải phiên âm tiếng Việt cũng như các ngôn ngữ khác bằng chữ La-tinh tên các nước, cửa biển, cảng thị, kinh đô của các quốc gia, các vùng lãnh thổ mà họ đã đi qua.

Dựa theo thư tịch Trung Quốc, từ sau Công Nguyên đến thế kỉ XV có hai thương nhân gồm một nhà truyền giáo và một sứ giả đều là người Lamã (Ý) lần lượt đến Việt Nam vào các năm 166, 266, 980 và 1288. Song, đến nay chúng ta vẫn chưa biết họ đã La-tinh hóa chữ viết tiếng Việt về các địa danh ở Việt Nam như thế nào. Vào cuối thế kỉ XV (1498), tàu thuyền Bồ Đào Nha lần đầu tiên tới Ấn Độ lập thương điểm buôn bán. Suốt

thế kỉ XVI, Bồ Đào Nha là nước theo đạo Thiên chúa giàu mạnh nhất Châu Âu thời bấy giờ, chiếm giữ độc quyền buôn bán và truyền giáo ở châu Á. Họ đã lập nên một dãy thương điểm ven biển từ Lisbonne - thủ đô Bồ đến Goa (Ấn Độ) sang Malacca (Malaysia) ngược lên Macao (Trung Quốc) và Nagasaki (Nhật Bản). Năm 1555, người Bồ thuê được đất Macao của Trung Quốc lập trung tâm thương mại ở Viễn Đông. Nhờ đó, người Phương Tây mà chủ yếu là người Bồ từ Macao hay từ Malacca, có điều kiện đến Việt Nam buôn bán và truyền giáo. Đây là khởi nguồn của quá trình truyền đạo Thiên Chúa và La-tinh hóa chữ Việt bằng việc sáng chế chữ Quốc ngữ ở nước ta.

2.2. La-tinh hóa chữ viết tiếng Việt và sáng chế ra chữ Quốc ngữ thời kì đầu

Thư nhất, La-tinh hóa chữ viết tiếng Việt từ thế kỉ thứ XVI đến khi các thừa sai Dòng Tên tới truyền giáo ở Đàng Trong (1615)

Những dấu tích để lại về La-tinh hóa chữ viết tiếng Việt ở thời kì này còn quá ít. Tuy không phải là nhà nghiên cứu ngôn ngữ, nhưng để giới thiệu vùng đất Đàng Trong cần tìm hiểu, Li Tana đã dựa vào nhận định của Arousseau và A. Lamb cho chúng ta biết một vài địa danh đã được người Bồ La-tinh hóa buổi đầu vào khoảng 1515 như: *Cochinchina, Cauchy, Cauchychina, Cachao, Cacciam*.

Về các nhà truyền giáo, có thể thấy, nhận định của linh mục Nguyễn Hồng viết trong "Lịch sử truyền giáo Việt Nam" và nhận định của nhà ngôn ngữ học người Pháp Roland

Jacques trong bài viết “Bồ Đào Nha và công trình sáng chế chữ Quốc ngữ: phải chăng cần viết lại lịch sử?” đăng trên Tạp chí Văn Hiến (9) gần như thống nhất với nhau. Cả hai tác giả đều cho việc truyền đạo Thiên Chúa đầu tiên tại Việt Nam bắt đầu từ cuối thế kỉ XVI, năm 1583, có các thừa sai dòng Phanxicô người Tây Ban Nha tới Đàng Trong truyền giáo, đợt này không thu được kết quả gì. Năm tiếp theo sau, lại có đợt truyền giáo thứ hai, Bartolomé Ruiz là người đã từng thực hiện đợt truyền giáo trước đó, tới Đàng Trong một mình ở lại Đà Nẵng gần hai năm, nhưng cũng không đạt kết quả gì hơn. Tiếp đến, nhờ sự trung gian trợ tài của vua Tây Ban Nha Philippe II, hai giáo sĩ dòng Phanxicô người Bồ nổi tiếp đến truyền giáo nhưng chỉ lưu lại được sáu tháng. Phải đến những năm cuối thế kỉ XVI, các thừa sai dòng thánh Augustino và các thừa sai dòng Đa Minh người Bồ cố gắng vào truyền giáo hai lần nhưng kết quả rất khiêm tốn, rồi bỏ cuộc vì do tiếp liệu.

Roland Jacques cho biết: “*Kĩ sư của các tu sĩ dòng Phanxicô và Augustino hé cho thấy rằng vào dịp này việc gặp gỡ giữa các nền văn hóa thực như là một đối thoại giữa những người điếc. Nó không đem lại kết quả thấy được một cách cụ thể trong bối cảnh Việt Nam*” [9, 117]. Còn việc La-tinh hóa chữ viết tiếng Việt ở thời kì này, theo linh mục Nguyễn Hồng, “*Qua lối phiên âm tên riêng của các thừa sai Đa Minh hay của Ordono De Cavallos trong những tài liệu để lại, chúng ta rất khó đoán được nơi chốn các địa chỉ. Chẳng hạn Picipuri, Quibenhu, Guanel*” [4, 283]. Cũng trong thời kì này và về sau ít lâu, Cù Lao Xanh ở Bình Định (một núi đảo cách đất liền vài chục cây số đường biển, khi chưa có ngọn hải đăng) được xem là ngọn tiêu phong trên đường hàng hải của tàu thuyền phương Đông và phương Tây qua lại trên Biển Đông thủa trước. Trên bản đồ hàng hải của người Bồ sang buôn bán với Phương Đông có đến năm (5) cách gọi và cách ghi âm tên núi đảo này bằng chữ La-tinh khác nhau:

Pulo Cabe (Bản đồ do Bartholomieu Velho vẽ năm 1560); *P. Gambir* (Bản đồ do Fernão và Pourdo vẽ năm 1590); *Pulo Cambi* (Bản đồ do B.Lasso vẽ năm 1592); *Pulo Cubir* (Bản đồ do Joao Teicena vẽ năm 1630); *Poulo Coubir* (Một bản đồ không rõ tên người vẽ năm 1660) [5, 121].

Nhìn chung, từ đầu thế kỉ XVI đến đầu thế kỉ XVII, các nhà truyền giáo Bồ Đào Nha và Tây Ban Nha đến Việt Nam còn thưa thớt, lẻ tẻ. Việc giao tiếp giữa họ và người Việt còn gặp nhiều khó khăn vì chưa thông thạo tiếng nói và quen với phong tục tập quán ở đây. Vì thế, việc La-tinh hóa chữ viết tiếng Việt suốt một thế kỉ này mới chỉ giới hạn trong phạm vi hẹp ở một số địa danh của Việt Nam. Trong các địa danh được họ ghi lại bằng chữ La-tinh, có địa danh có thể nhận ra, có địa danh gây tranh cãi, thậm chí có địa danh không biết là chỉ nơi nào. Ví dụ: *Cochinchina*, *Cauchy*, *Cauchychina* để chỉ nước ta thì có thể đoán ra; còn *Cachao* theo A Lamb cho là từ *Giao Chỉ* mà ra, Phạm Đình Khiêm lại cho là *Cachao* hay đúng hơn là *Cacciam* là Kế Chiêm (Thanh Chiêm) ở Quảng Nam; riêng các địa danh *Picipuri*, *Quibenhu*, *Guanel* thật không đoán ra được muốn chỉ nơi nào.

Thứ hai, La-tinh hóa chữ viết tiếng Việt và việc sang chế chữ Quốc ngữ từ năm 1615 đến 1624

Trong bối cảnh hoạt động truyền giáo ở Phương Đông năm 1614, cộng đồng Thiên Chúa giáo lớn mạnh ở Nhật Bản đang gặp nguy cơ tàn lụi và cộng đồng ở Trung Quốc cũng đang gặp nhiều khó khăn thì Tỉnh Dòng Tên Nhật Bản đã liên hệ với tòa Giám mục Bồ Đào Nha ở Malacca và Macao, chính thức thành lập việc truyền giáo ở Đàng Trong năm 1615. Thừa sai Dòng Tên đầu tiên được cử đến Đàng Trong năm 1615 là Francesco Buzomi (1576-1639) đã đến Hội An ngày 18/01/1615. Ông là người Italia (Ý), đã từng truyền giáo ở Nhật, rồi về làm giáo sư thần học ở chủng viện Macao. Trong hai năm ở

Quảng Nam, ông vừa truyền giáo qua thông dịch vừa học tiếng Việt.

Tiếp sau Francesco Buzomi là thừa sai Francisco de Pina (1588-1625) người Bồ, là sinh viên thần học của Buzomi. Ông tới Đà Nẵng đầu năm 1616, là nhà truyền giáo trẻ mới 28 tuổi, rất thông minh, chỉ học 4 tháng mà đã sử dụng thành thạo tiếng Việt nên việc giảng đạo, truyền giáo của ông đạt nhiều kết quả.

Cristophoro Borri (1583-1632) người Ý, vào Dòng Tên năm 1601, giảng dạy ở trường Đại học Coimbra nổi tiếng của Bồ Đào Nha thời bấy giờ về môn thiên văn và toán học, sành nghề đi biển. Ông tới Đà Nẵng vào đầu năm 1617, ở lại đó vài tuần rồi đi cùng Buzomi, Pina và một trợ sĩ người Bồ theo quan phủ Trần Đức Hòa vào Nước Mặn (Quy Nhơn).

Có thể Tinh Dòng Tên ở Nhật Bản đã biết rõ ý đồ cát cứ của cha con Nguyễn Hoàng và Nguyễn Phúc Nguyên nên đã đưa các nhà truyền giáo tới Đàng Trong vào một thời điểm thật thích hợp. Lúc này Nguyễn Phúc Nguyên mới lên làm chúa được hai năm (1613-1635), thực hiện lời trăng trối của cha, Chúa Sãi chủ trương cắt đứt sự lệ thuộc vào triều đình Lê-Trịnh ở Đàng Ngoài năm 1614, mở rộng thêm việc buôn bán với nước ngoài, nhất là Bồ Đào Nha, trọng dụng các tri thức Phương Tây, khoan hồng và đối xử tử tế với các nhà truyền giáo. Nhờ vậy, chỉ trong hai năm (1615-1616), việc La-tinh hóa chữ viết tiếng Việt không chỉ mở rộng ở phạm vi các địa danh mà còn thêm nhiều lĩnh vực khác, nhất là cải tiến cách ghi âm cho dễ nhận biết hơn nhiều so với thời kì trước (thế kỉ XVI). Có thể thấy rõ trong bản thống kê sau đây:

STT	Nội dung	Ví dụ
1	Mở rộng ghi âm các địa danh các nước lân cận và các tỉnh trong nước	<i>Ai nam</i> (Ailao), <i>Chiampa</i> (Champa), <i>Hoalaom</i> (Hoa Lang), <i>Anam</i> (An Nam), <i>Tunquim</i> (Đông Kinh), <i>Sinnua</i> (Thuận Hóa), <i>Caccliam</i> (Kê Châm - Quảng Nam), <i>Quamguyu</i> (Quảng Ngãi), <i>Quinguim</i> (Quy Nhơn), <i>Renran</i> hay <i>Raran</i> (Phủ Yên), <i>Nuocman</i> (Nước Mặn), <i>Turan</i> (Touran).
2	Mở rộng các từ chỉ người	<i>bua</i> (vua), <i>onsai</i> (ông sãi), <i>ongne</i> (ông nghề), <i>congno</i> (con nhỏ)...
3	Mở rộng các từ chỉ sự vật	<i>cabaia</i> (áo bào), <i>saykin</i> (sách kinh), <i>saychin</i> (sách chữ), <i>noecman</i> (nước mắt)...
4	Mở rộng các từ chỉ sự việc	<i>scin</i> (xin), <i>an</i> (ăn), <i>dilay</i> (đi lại), <i>muonbau</i> (muốn vào)...
5	Mở rộng phiên âm các cụm từ	<i>da an het</i> (đã ăn hết), <i>da an nua</i> (đã ăn một nửa), <i>scin mo cay</i> (xin một cái), <i>on sai đi lay</i> (ông sãi đi lại)...
6	Mở rộng phiên âm các câu	- <i>Con gno muon bau tlom laom Hoalaom chiam</i> (con nhỏ muốn vào trong lòng Hoa lang chăng) - <i>Con gno muon bau mau Chrietiam chiam</i> (con nhỏ muốn vào đạo Chistiang chăng)

Cuối năm 1616 ở Quảng Nam bị hạn nặng, dân chúng nổi giận, đổ lỗi cho các nhà truyền giáo khuyến giáo dân bỏ thờ cúng để cho đền, chùa, miếu hoang vu nên quý thần gieo họa. Vì thế, muốn cho quý thần người giận thì chỉ có cách là đuổi hết các đạo sư

Tây Giang ra khỏi nước. Vì tin là như vậy nên dân chúng yêu cầu Chúa Nguyễn trực xuất các nhà truyền giáo Phương Tây ra khỏi Đàng Trong. Trước tình thế vừa muốn yên lòng dân vừa không muốn làm mất lòng người Bồ, người giúp Chúa Nguyễn giải

quyết khó khăn này, không ai hơn người em kết nghĩa của Chúa Nguyễn là quan Khâm lý Trần Đức Hòa tri phủ Quy Nhơn. Vì vậy, Chúa Nguyễn đã ra lệnh yêu cầu các thừa sai tạm rời khỏi Đàng Trong một thời gian rồi sau sẽ trở lại. Lúc này, nhân có dịp ra phủ chúa, quan phủ Trần Đức Hòa cho ghé thuyền vào Quảng Nam, sai người tìm thăm cha bề trên Buzomi đang lâm bệnh (người ông quen biết, cảm mến) và hẹn ngày trở về sẽ đón các cha vào Quy Nhơn.

Khi trở về, quan phủ Trần Đức Hòa đã cho thêm thuyền đón các thừa sai và trợ sĩ vào địa hạt mình cai quản, giúp dựng nhà ở, nhà thờ ở Nước Mặn, chăm lo chu tất mọi mặt cuộc sống thường ngày. Nhờ vậy, các cha mới yên tâm truyền đạo và có đủ điều kiện thuận lợi tổ chức La-tinh hóa chữ viết tiếng Việt, sáng chế chữ Quốc ngữ để dịch các văn bản kinh điển về đạo Thiên Chúa, viết kinh giảng đạo và dạy tiếng Việt cho người nước ngoài. Trong "Lịch sử truyền giáo ở Việt Nam" linh mục Nguyễn Hồng cho biết: "Từ năm 1618 đến năm 1620, số cha truyền giáo ở xứ Nam có 4 vị: ba cha Buzomi, De Pina và Borri ở Nước Mặn với hai thầy Diaz và Agestino, còn cha Padre Maquez và hai thầy người Nhật ở Hội An." [4, 67]. Riêng hoạt động của đoàn truyền giáo ở Nước Mặn, ông nêu lên một nhận định xác đáng: "Đã thông thạo tiếng nói, phong tục, lại thêm một số người có chữ nghĩa cộng tác vào, các cha nghĩ đến việc phát hành một cuốn sách bốn bằng chữ Nôm "gồm tất cả các mẫu nhiệm và lời răn của đạo Công giáo". Bốn mươi năm sau (1999) trong "Lịch sử phát triển Công giáo ở Việt Nam", khi viết về thành quả truyền giáo ở Quy Nhơn, linh mục Trương Bá Cẩn cũng có nhận định tương tự: "Trước hết, họ (những giáo hữu trí thức và các tân tông thông Nho) đã giúp các thừa sai soạn một cuốn giáo lý bằng tiếng Việt, chắc chắn là bằng chữ Nôm (vì chữ Quốc ngữ lúc này chưa hình thành),... Đây chắc chắn là một công trình tập thể, trong đó có sự đóng góp chủ yếu của

các thừa sai Buzomi và Pina, nhưng nếu không có những giáo hữu thông Nho thì không làm sao có thể có được một cuốn giáo lý như vậy vào thời điểm sơ khai này" [3,110].

Rất tiếc, cuốn giáo lý đầu tiên này bị thất lạc chưa tìm lại được. Song dựa vào nhận xét của thừa sai Gaspar Luis (người tới Đàng Trong cuối năm 1624 cùng với Alexandre De Rhodes vào Nước Mặn làm việc với cha bề trên Buzomi, và thường trú ở đây từ năm 1925 đến 1929), có thể biết được cuốn giáo lý này ngắn gọn, dễ hiểu để từ người lớn đến trẻ em dễ học thuộc lòng, chứ không dài như cuốn giáo lý Alexandre De Rhodes xuất bản năm 1651 ở Roma.

Về tổ chức cách viết cuốn giáo lý đầu tiên bằng chữ Nôm ở Nước Mặn, linh mục Nguyễn Hồng cho rằng: "Hoặc đầu tiên các thừa sai thảo bằng chữ Quốc ngữ (do các ngài mới sáng chế ra) để các thầy giảng viết ra chữ Nôm, hoặc đọc cho các thầy viết, mà ta có thể đoán đó là trường hợp cha Buzomi và De Pina cho ra đời cuốn sách về đạo công giáo đầu tiên bằng tiếng Việt ở Nước Mặn - Quy Nhơn... Hoặc do chính các thừa sai viết bằng chữ Nôm, như những cuốn của cha Majorica, nhưng chắc chắn cha cũng được sự cộng tác của các thầy giảng" [4, 295].

Chúng tôi cho rằng, cả hai cha Buzomi và Pina soạn thảo bằng chữ Quốc ngữ do các ngài sáng chế ra, rồi đọc lên cho các thầy giảng người Việt ghi bằng chữ Nôm là rất lớn, còn khả năng hai cha viết trực tiếp bằng chữ Nôm khó có thể xảy ra. Vì chữ Nôm cũng khó học và khó ghi như chữ Hán, phải miệt mài học tập nhiều năm mới có thể viết thành thạo.

Khi nghiên cứu công trình sáng chế chữ Quốc ngữ ở Việt Nam, Roland Jacques khuyên chúng ta nên lưu ý tới những tài liệu chép tay chưa xuất bản. Vì ông cho rằng: "thời đó việc xuất bản trước hết nhằm đào tạo những tâm hồn đạo đức Âu châu và do đó có thể được gọt giũa cho ăn khớp với

mục đích này" [9,121]. Theo ông, nếu chúng ta sưu tầm được nhiều tài liệu chép tay chưa xuất bản thì mới thấy hết "các tiến bộ và những bất ngờ của sinh hoạt ngữ học và văn hóa của các tu sĩ Dòng Tên Bồ Đào Nha ở Việt Nam sẽ được đưa ra ánh sáng, với tên tuổi của những vị khởi xướng đầu tiên" [7, 121]. Ông ưu tiên thực hiện việc tra cứu mục lục các tài liệu liên quan đến nửa thế kỉ đầu tiên là nửa thế kỉ đã từng chứng kiến phần thiết yếu của công trình sáng chế chữ Quốc ngữ ở nước ta (1615-1664).

Kết quả sưu tầm, nghiên cứu của ông giúp chúng ta không chỉ thẩm định lại những công trình, những bài viết về sáng chế chữ Quốc ngữ đã công bố trên sách, báo và tạp chí, còn cho ta biết thêm những sự kiện, những tình tiết trong tiến trình sáng chế chữ Quốc ngữ từ Nước Mặn (Bình Định) đến Thanh Chiêm (Quảng Nam) trong nửa đầu thế kỉ XVII mà chúng ta chưa biết đến.

Ông tìm đọc biên bản hằng năm của các tu sĩ Dòng Tên, linh mục, tác giả các công trình được nêu lên, đã cho chúng ta biết rõ thêm công trình sáng chế chữ Quốc ngữ được tiến hành ở cơ sở truyền giáo Pulo Cambi (Nước Mặn - Quy Nhơn). Lúc này, ba tu sĩ Dòng Tên cư trú ở đây là cha Buzomi bị bệnh nặng không đi giảng đạo được, cha Pina là người đã sử dụng thông thạo tiếng Việt và cha Borri, mới đến Đàng Trong còn phải học tiếng địa phương. Công trình được thực hiện dưới sự giám sát của cha Buzomi, cụ thể trên cơ sở truyền giáo Đàng Trong (1616-1618) và hiện là bề trên cơ sở truyền giáo Nước Mặn. Vì vậy, người thực hiện chính yếu công trình là cha Pina và một giáo hữu trẻ thông Nho có tên rùa tội là Pêrô. Phát hiện của ông giúp chúng ta khẳng định những điều mà hai linh mục người Việt là Nguyễn Hồng và Trương Bá Cẩn đã trình bày về La-tinh hóa chữ viết tiếng Việt để sáng chế ra chữ Quốc ngữ nhằm viết kinh giảng đạo và dạy tiếng Việt cho người nước ngoài ở Nước Mặn là chính xác.

Đáng chú ý là kết quả tìm tòi của ông cho chúng ta biết những sự việc cụ thể trong tiến trình sáng tạo ra chữ Quốc ngữ từ Nước Mặn đến Thanh Chiêm mà xưa nay chưa được nói tới.

Một là, những bản dịch các văn bản Kitô giáo đầu tiên ra bằng tiếng Việt có từ năm 1618 (lúc này ba tu sĩ Dòng Tên đã vào Nước Mặn) và phần thiết yếu do công của Francisco De Pina, linh mục Dòng Tên sinh ở Bồ Đào Nha. Trong công việc này cha Pina được sự giúp đỡ rất đặc lực của một giáo hữu trẻ thông Nho. Dựa vào một phúc trình chính thức của cơ sở truyền giáo, ông cho chúng ta biết: "Một nhân sĩ thân quen với đoàn truyền giáo, có một người con trai 16 tuổi lanh lợi và thông minh nhất trong vùng. Anh này viết chữ Hán rất đẹp, người trong vùng hâm mộ có tài hay chữ, đã giúp cha Pina rất nhiều trong việc dịch kinh Pater Noster, Ave Maria, Credo và mười điều răn ra tiếng địa phương là các kinh mà giáo dân đã thuộc lòng" [9, 118].

Hai là, theo lời xác nhận của cha Pina, ngay từ năm 1622, ông đã hoàn thành việc xây dựng một hệ thống chuyển mẫu tự La-tinh cho thích hợp với phát âm và thanh điệu tiếng Việt Nam. Ông đã làm được một tuyển tập và bắt đầu viết một bản văn phạm. Kết quả đó cha Pina đã đạt được một cách vất vả, với một số học sinh Việt Nam quy tụ xung quanh ông [9, 118].

Như đã biết, ba thừa sai Dòng Tên vào Nước Mặn khoảng cuối năm 1617. Cha bề trên Buzomi tuy có lúc đi về nhưng chủ yếu ở Nước Mặn, ông ở tới 22 năm (1617-1639), cha Borri ở Nước Mặn 5 năm (1617-1622), còn cha Pina chỉ ở Nước Mặn 3 năm (1617-1620) sau khi quan phủ Quy Nhơn qua đời. Cho nên tuyển tập chuyển mẫu tự La-tinh ra tiếng Việt của cha Pina có thể đã hoàn thành ở Nước Mặn và ra Thanh Chiêm - Quảng Nam mới bắt đầu viết một bản văn phạm.

Ba là, năm 1624, cha Pina mở lớp dạy tiếng Việt cho những người ngoại quốc đầu

tiên, trong đó có hai học trò rất cụ phách: một cha người Bồ Đào Nha Antonia De Fontes về sau là một trong những nhà truyền giáo trụ cột cho xứ Đàng Trong và Alexandre De Rhodes sẽ sớm được gọi thành lập xứ truyền giáo Đàng Ngoài từ năm 1627 đến năm 1630. Trước đó hai năm, theo linh mục Trương Bá Cẩn, năm 1622 cha Borri rời Đàng Trong, trong số các giáo sĩ sau đó có Emmanuel Borges và Louis Leira đã vào Quy Nhơn học tiếng với cha bề trên Buzomi.

Bốn là, ông cho biết nhà chép sử Dòng Tên Bartoli cho rằng Buzomi đã sáng tác một hệ thống văn phạm và ngữ vựng. Một trong những chứng lí là một bức thư viết năm 1662 mà Roland Jacques không thể tìm ra. Ông cho là có thể lẫn lộn với Pina chăng. Một cách chung, các xác quyết của Bartoli liên quan đến kiến thức ngữ học tuyệt vời của người đồng hương của ông là Buzomi lại không khớp với những tài liệu tồn trữ mà chúng ta có thể truy cứu [9, 118]. Chúng tôi không bàn đến việc này để biết rõ ai đúng ai sai vì chưa có đủ tư liệu nghiên cứu.

3. Kết luận

Với tất cả những gì đã trình bày trên đây, có thể đi đến một kết luận: công trình sáng chế chữ Quốc ngữ của các tu sĩ Dòng Tên đứng đầu là cha bề trên Buzomi với người thực hiện chủ yếu là cha De Pina đã phối hợp với các giáo hữu thông Nho được tiến hành trong ba năm đầu ở Nước Mặn (Bình Định), và thực hiện tiếp bốn năm sau ở Thanh Chiêm (Quảng Nam) để biên dịch các văn bản Kitô giáo đầu tiên ra tiếng Việt, viết cuốn giáo lí bằng chữ Nôm và mở đầu biên tập từ vựng và văn phạm tiếng Việt để dạy cho người nước ngoài. Khi Alexandre De Rhodes tới Đàng Trong cuối năm 1624 thì những công việc vừa nêu trên trong giai đoạn khởi đầu sáng chế chữ Quốc ngữ (1618-1624) đã hoàn thành.

Về sau, Alexandre De Rhodes biên tập "Tự vị Việt-Bồ-La" và "Phép giảng tám ngày

cho kẻ muốn chịu phép rửa tội, mà vào đạo thánh đức Chúa trời" in năm 1651 ở Roma, không thể không kể thừa những thành quả sáng chế chữ Quốc ngữ mà các tu sĩ Dòng Tên tới nước ta trước ông đã dày công làm nên. Trong đó có cha bề trên Buzomi và cha Pina, ông tôn làm bậc thầy của mình. Vì vậy, với tinh thần tôn trọng lịch sử thật sự khoa học, Roland Jacques nêu vấn đề cần tìm lại sự thật lịch sử về sáng chế chữ Quốc ngữ của nước ta là đúng đắn và cần thiết.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Đỗ Bang - Nguyễn Tấn Hiệu, (1998), *Lịch sử Thành phố Quy Nhơn*, Nxb Thuận Hóa.
2. Cristophoro Borri, (1621), *Xứ Đàng Trong năm 1621*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh.
3. Trương Bá Cẩn, (1999), *Công cuộc truyền giáo Đàng Trong thời linh mục Buzomi (1615-1639)*, Nguyệt san Công giáo và dân tộc, số 50 tháng 2.
4. Nguyễn Hồng, (1959), *Lịch sử truyền giáo Việt Nam*, quyển 1, Nhà in Phước Sơn-165 Trần Bình Trọng, Chợ Lớn.
5. Nguyễn Kim Thân, (1984), *Lịch sử ngôn ngữ học*, tập 1, Nxb Đại học và Trung học chuyên nghiệp, H.
6. Alexandre de Rhodes, (1994), *Lịch sử vương quốc Đàng Ngoài*, Ủy ban đoàn kết Công giáo, Thành phố Hồ Chí Minh.
7. Alexandre de Rhodes, (1994), *Hành trình và truyền giáo*, Ủy ban đoàn kết Công giáo, Thành phố Hồ Chí Minh.
8. Li Tana, (1998), *Xứ đàng trong, lịch sử kinh tế-xã hội Việt Nam thế kỉ XVII và XVIII*, Luận án Tiến sĩ-viết bằng tiếng Anh (người dịch ra tiếng Việt - Nguyễn Nghi).
9. Roland Jacques, (2015), *Người Bồ Đào Nha và công trình sáng chế chữ Quốc ngữ*, Tạp chí Văn Hiến số 7+8.
10. Nhiều tác giả, *Nguyên nhân gần xa đưa đến việc Pháp đánh chiếm Việt Nam*.